

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TRUNG ƯƠNG CẦN THƠ
Số: /TM-BVTWCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, Doanh nghiệp.

Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm văn phòng phẩm, vật dụng, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chánh quản trị của Bệnh viện. Số điện thoại: 02923.821.288
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chánh quản trị, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. Địa chỉ: Số 315, Đường Nguyễn Văn Linh, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
 - Nhận qua Email: vanthubvdktwct123@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến trước 17:00 ngày 10 tháng 10 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục dịch vụ và mô tả tính năng, kỹ thuật chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ.
- Thời gian thực hiện: 18 kể từ ngày ký hợp đồng.
- Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán theo từng đợt căn cứ giá trị trên biên bản nghiệm thu.

6. Các thông tin khác: Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo biểu mẫu chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Yêu cầu báo giá này.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: VT, HST.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Vũ

PHỤ LỤC I: DANH MỤC
MUA SẴM VĂN PHÒNG PHẨM, VẬT DỤNG

(Kèm theo yêu cầu Báo giá số: /TM-BVTWCT ngày 30 tháng 9 năm 2024
của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ)

ST T	Danh mục hàng hóa	ĐVT	số lượn g	Mô tả
I. VĂN PHÒNG PHẨM				
1	Áo mưa	Cái	3	Chất liệu: vải nhựa PE, trong suốt. Kích thước: Dài áo ≥ 118 (cm) x rộng ≥ 90 (cm). Có thun bo tay, dây nón.
2	Bàn chải đánh răng	Cây	96	Chất liệu: Lông bàn chải nhọn, thân bằng nhựa dẻo; kích thước: dài ≥ 140 (mm), Chiều cao trung bình của sợi ≥ 9 (mm).
3	Bàn chải nhỏ	Cái	162	Chất liệu: nhựa PP; kích thước: dài ≥ 15 x rộng $6 \geq x$ cao $\geq 6,5$ (cm).
4	Bao gạo	Bao	135	Chất liệu: nhựa PP dệt. Màu sắc: trắng. Đựng được vật có khối lượng ≥ 100 kg.
5	Băng keo 2 mặt	Cuộn	127	Kích thước: bản rộng ≥ 2 cm, độ dày ≥ 3 mm; xé được lớp giấy, dán được 2 mặt.
6	Băng keo đục	Cuộn	76	Chất liệu: OPP; kích thước: bản rộng ≥ 5 cm, dài ≥ 91 m; màu sắc: vàng cánh gián.
7	Băng keo giấy	Cuộn	5	Chất liệu: giấy crepe kết hợp lớp keo; Kích thước: bản rộng ≥ 5 cm, dài ≥ 45 m; Bề mặt nhẵn có thể ghi chữ và dễ dàng xé bỏ bằng tay.
8	Băng keo màu 5cm	Cuộn	84	Chất liệu: OPP; kích thước: bản rộng ≥ 5 cm, dài ≥ 91 m; màu sắc: vàng, xanh lá cây, xanh dương,... giao theo yêu cầu của bệnh viện.
9	Băng keo thun 5cm	Cuộn	27	Chất liệu: xi sần; kích thước: bản rộng ≥ 5 cm, dày $\geq$ dài ≥ 91 m; màu sắc: xanh lá cây, xanh dương,... giao theo yêu cầu của bệnh viện.
10	Băng keo trong 2cm	Cuộn	16	Chất liệu: OPP; kích thước: bản rộng ≥ 2 cm, dài ≥ 18 m; màu sắc: trắng trong.
11	Băng keo trong 5cm	Cuộn	2360	Chất liệu: OPP; kích thước: bản rộng ≥ 5 cm, dài ≥ 91 m; màu sắc: trắng trong.
12	Bấm lỗ	Cái	8	Kích thước: ≥ 100 mm x 50mm x 60mm (Dài x rộng x cao). Số tờ giấy A4 đục lỗ cho 1 lần: 15 tờ. Trọng lượng 350g
13	Bấm tập số 10	Cây	935	Chất liệu: kim loại, tay cầm bằng nhựa; dùng kim số 10.
14	Bìa cứng	Tờ	4593	Kích thước: khổ giấy A4; định lượng ≥ 160 g/m ² ; màu sắc: xanh biển, cỏm, hồng, vàng, trắng... giao theo yêu cầu của bệnh viện.

15	Bìa kiếng	Xấp	4	Kích thước: khổ giấy A4, dày 1,5mm; chất liệu: nhựa PVC; màu trong suốt
16	Ca đong có chia vạch, dung tích 500ml	Cái	3	Chất liệu: PP; với hệ thống vạch chia định lượng có vạch dung tích tối đa là 500ml.
17	Ca mức nước	Cái	41	Chất liệu: nhựa PP, có cán; Kích thước: đường kính ≥ 14 x rộng ≥ 9 x dài ≥ 23 (cm); Trọng lượng: ≥ 150 g.
18	Cao su bông	Mét	168	Chất liệu: cao su; kích thước: khổ $\geq 1,2$ m. Có nhiều màu, họa tiết, dùng để trải bàn
19	Cao su Simili	Mét	189	Chất liệu: cao su simili; kích thước: khổ $\geq 1,4$ m; màu xám.
20	Cần xé nhựa	Cái	15	Chất liệu: nhựa PP; Kích thước: đường kính ≥ 60 x cao ≥ 48 (cm), có tay cầm.
21	Cây rửa chai	Cây	151	Chất liệu: tay cầm nhựa PP, có móc treo, đầu bằng mút một phần được bọc lưới; kích thước: $\geq 280 \times 50 \times 50$ (mm).
22	Cước nhôm	Miến g	294	Chất liệu: sợi nhôm dùng để tẩy sạch các vết bẩn; kích thước: $\geq$ đường kính 10 cm.
23	Cước xanh	Miến g	756	Chất liệu: sợi cước nhám xanh; kích thước: $\geq 7,6 \times 10,1$ (cm); màu sắc: xanh lá cây.
24	Chai xịt phòng	Chai	92	Chai hình trụ, dạng xịt sương; Dung tích chai: ≥ 280 ml.
25	Chỉ may màu xanh	Ống	27	Chất liệu: Sợi cotton nguyên chất 100% có độ bền cao, PE. Trọng lượng: $\geq 0,2$ -5kg
26	Chổi bông cỏ	Cây	2	Chất liệu: bông cỏ tự nhiên, mềm, an toàn, cán bằng nhựa chắc chắn. Kích thước: Chiều dài sợi: ≥ 24 cm; Chiều ngang sợi: ≥ 44 cm; Chiều dài cán: ≥ 58 cm; Đường kính cán: ≥ 3 cm. Xuất xứ: Việt Nam
27	Chổi dừa	Cây	14	Chất liệu: cọng dừa nước dày dặn, cán chổi được quấn cọng thép, bên ngoài bọc bằng keo hoặc nhựa; kích thước: dài 80 - 90 cm. Xuất xứ: Việt Nam
28	Chổi quét bàn	Cây	28	Chất liệu: bông cỏ tự nhiên, mềm, an toàn; kích thước: 20 x 31 cm; có dây buộc, có thể treo lên tiết kiệm không gian; có lớp vải bọc bảo vệ cán chổi giúp cố định dáng chổi đảm bảo độ bền lâu dài. Xuất xứ: Việt Nam
29	Chuốt viết chì	Cái	51	Chất liệu: Thân bằng nhựa, lưỡi chuốt được làm bằng kim loại.

30	Dao rọc giấy	Cây	16	Chất liệu: lưỡi dao bằng thép, thân bằng nhựa; kích thước: $\geq 13 \times 9$ (mm).
31	Dập ghim lớn	Cây	8	Chất liệu: kim loại, tay cầm bằng nhựa, bấm được 60 - 250 tờ giấy; sử dụng kim bấm 23/6, 23/8, 23/10, 23/15, 23/17, 23/20, 23/23, 23/24.
32	Dấu đóng ngày tháng hạn sử dụng	Cái	12	Chất liệu: nhựa ABS. Dấu tự động lật chấm mực. Kích thước ngày tháng đóng ra: $\geq$ cao 3 x ngang 20 (mm). Khay mực đã được đổ mực.
33	Dấu giáp lai	Cái	83	Chất liệu: nhựa ABS; Kích thước: $\geq 23 \times 59$ (mm); Dấu tự động lật chấm mực; Khay mực đã được đổ mực.
34	Dầu máy may	Lít	8	Chất liệu: dầu gốc và phụ gia; màu sắc: trong suốt, không mùi; đóng gói chai ≤ 200 ml
35	Dây nylon	Cuộn	215	Chất liệu: hạt PE tái sinh, màu trắng; kích thước: rộng ≥ 8 cm; đóng gói: cuộn 1 kg.
36	Dây thun lớn	Kg	354	Dây thun vòng to ≥ 4 cm; loại dày.
37	Dây thun nhỏ	Kg	265	Dây thun vòng to < 4 cm; loại dày.
38	Dép nhựa	Đôi	1259	Chất liệu: nhựa dẻo; size XXL; quai ngang, có lỗ tròn dạng tổ ong; màu sắc giao theo yêu cầu của bệnh viện: màu trắng, xanh, hồng, tím,...
39	Đèn cồn	Cái	3	Chất liệu: thủy tinh trong suốt; kích thước: đường kính đáy: $\geq 6,5$ cm; đường kính thân: ≥ 10 cm. Dung tích ≥ 250 ml;
40	Đèn pin	Cây	21	Chất liệu: thân bằng kim loại, nút bật/tắt đèn, sạc trực tiếp không cần tháo pin; có 3 chế độ hoạt động: sáng vừa, cực sáng, sáng nhấp nháy liên tục; Bóng đèn LED (đèn tích điện 4 mắt LED x 0,1W, đèn pin 0,5W); Bảo hành ≥ 6 tháng
41	Găng tay cao su	Đôi	189	Chất liệu: cao su. Size XXL. Kích thước: $\geq$ dài 380 x dày 0,6 (mm), trọng lượng ≥ 100 g.
42	Găng tay vải	Đôi	59	Chất liệu: vải sợi dệt. Free Size. Kích thước: dài ≥ 30 cm.
43	Gôm	Cục	120	Kích thước: $\geq 3,5$ cm. Được thiết kế 2 đầu (màu cam tẩy vết viết chì và màu xanh dương tẩy vết viết mực, viết bi).
44	Giấy A4 70 màu trắng	Ream	2482 9	Kích thước: khổ giấy A4 $\geq 210 \times 297$ (mm); Định lượng giấy: ≥ 70 g/m ² ; tiêu chuẩn đóng gói: 500 tờ/ream; Đóng gói 5 ream/thùng.

45	Giấy A4 80 màu khác màu trắng	Ream	4595	Kích thước: khổ giấy A4 $\geq 210 \times 297$ (mm); Định lượng giấy: ≥ 80 g/m ² ; tiêu chuẩn đóng gói: 500 tờ/ream; Đóng gói 5 ream/thùng. Màu sắc: hồng nhạt, vàng nhạt, xanh nhạt,... giao theo yêu cầu của bệnh viện.
46	Giấy A4 80 màu trắng	Ream	672	Kích thước: khổ giấy A4 $\geq 210 \times 297$ (mm); Định lượng giấy: ≥ 80 g/m ² ; tiêu chuẩn đóng gói: 500 tờ/ream; Đóng gói 5 ream/thùng.
47	Giấy A5 70 màu trắng	Ream	2396 3	Kích thước: khổ giấy A5 $\geq 148 \times 210$ (mm); Định lượng giấy: ≥ 70 g/m ² ; tiêu chuẩn đóng gói: 500 tờ/ream; Đóng gói 5 ream/thùng.
48	Giấy A5 màu trắng cứng	Xấp	1684	Kích thước: khổ giấy A5 $\geq 148 \times 210$ (mm); Định lượng giấy: ≥ 160 g/m ² ; tiêu chuẩn đóng gói: 100 tờ/xấp
49	Giấy A6 70 màu trắng	Ream	2160	Kích thước: khổ giấy A5 $\geq 105 \times 148$ (mm); Định lượng giấy: ≥ 70 g/m ² ; tiêu chuẩn đóng gói: 500 tờ/ream; Đóng gói 5 ream/thùng.
50	Giấy kiếng bao tập	Mét	73	Chất liệu: nhựa PP trong, dẻo; Kích thước: khổ ≥ 80 cm.
51	Giấy kiếng gói quà	Tấm	15	Chất liệu: nilong, có hoa văn nhiều màu sắc; kích thước: dài ≥ 70 x rộng ≥ 50 (cm)
52	Giấy manh lớn	Xấp	65	Kích thước: 210 x 300 (mm); Định lượng giấy: > 58 g/m ² ; màu trắng, độ trắng: $\geq 90\%$; đóng gói 20 tờ/ xấp.
53	Giấy manh nhỏ	Xấp	58	Kích thước: 148 x 210 (mm); Định lượng giấy: > 58 g/m ² ; màu trắng, độ trắng: $\geq 90\%$; đóng gói 20 tờ/ xấp.
54	Giấy note 3x3 vàng	Xấp	132	Kích thước: $> 7,6 \times 7,6$ (cm); Màu vàng, có keo dính; đóng gói 100 tờ/ xấp.
55	Giấy note 5 màu	xấp	108	Kích thước: $> 12 \times 50$ (mm); Có 5 màu, có keo dính; đóng gói 100 tờ/ xấp, túi 5 xấp.
56	Giấy than	Tờ	6540	Kích thước: $> 210 \times 297$ (mm); đóng gói 100 tờ/ xấp.
57	Giấy vệ sinh	Cuộn	3684 5	Chất liệu: 100% bột giấy nguyên chất, 2 lớp, định lượng 16,5 - 17g/m ² ; kích thước: dài ≥ 255 m, rộng ≥ 9 cm; trọng lượng ≥ 90 gr/ cuộn.
58	Giỏ nhựa nắp lớp (KT: 46 x 31,5 x 25cm)	Cái	3	kích thước: 46 x 31,5 x 25cm
59	Hồ dán	Kg	2986	Chất liệu: đặc sệt màu trắng đục. Trọng lượng: bịch ≥ 1 kg.

60	Keo dán 100ml	Chai	1300	Dạng keo lỏng, trong suốt, dung tích chai $\geq$ 100 ml; Quy cách: 12 chai/khay
61	Keo dán 30ml	Chai	767	Dạng keo lỏng, trong suốt, dung tích chai $\geq$ 30 ml; Quy cách: 12 chai/khay
62	Kéo lớn	Cây	284	Chất liệu: cán bằng nhựa, lưỡi bằng thép; Kích thước: Dài > 20 cm, trọng lượng > 100 gr.
63	Kéo nhỏ	Cây	527	Chất liệu: cán bằng nhựa, lưỡi bằng thép; Kích thước: Dài > 17 cm, trọng lượng > 60 gr.
64	Kẹp bướm 15mm	Hộp	308	Kích thước: $\geq$ 15 mm; Quy cách: 12 cái/hộp
65	Kẹp bướm 19mm	Hộp	224	Kích thước: $\geq$ 19 mm; Quy cách: 12 cái/hộp
66	Kẹp bướm 25mm	Hộp	100	Kích thước: $\geq$ 25 mm; Quy cách: 12 cái/hộp
67	Kẹp bướm 32mm	Hộp	70	Kích thước: $\geq$ 32 mm; Quy cách: 12 cái/hộp
68	Kẹp bướm 41mm	Hộp	4	Kích thước: $\geq$ 41mm, Quy cách: 12 cái/hộp
69	Kẹp bướm 51mm	Hộp	481	Kích thước: $\geq$ 51 mm; Quy cách: 12 cái/hộp
70	Kẹp giấy	Hộp	1326	Chất liệu: thép, đầu tam giác; kích thước: chiều dài $\geq$ 25 mm.
71	Kệ để dép	Kệ	26	Chất liệu: nhựa ABS; có 3 tầng, kích thước: $\geq$ 68 x 60 x 26 (cm), khoảng cách các tầng: $\geq$ 18 cm.
72	Kệ nhựa để giấy tờ	Cái	54	Chất liệu: nhựa PP; kích thước: > 329 x 238 x 259 (mm) (3 tầng); màu sắc: xanh lam
73	Kim bấm số 10	Hộp	2325 7	Chất liệu: kim loại, Sử dụng cho bấm kim số 10; kích thước: cao $\geq$ 5 mm, rộng $\geq$ 9,4 mm.
74	Kim bấm số 23/10	Hộp	128	Chất liệu: kim loại; kích thước: cao $\geq$ 10 mm, rộng $\geq$ 12,85 mm.
75	Kim bấm số 23/15	Hộp	4	Chất liệu: kim loại; kích thước: cao $\geq$ 15 mm, rộng $\geq$ 12,85 mm.
76	Kim bấm số 23/17	Hộp	39	Chất liệu: kim loại; kích thước: cao $\geq$ 20 mm, rộng $\geq$ 12,85 mm.
77	Kim bấm số 24/6	Hộp	3	Chất liệu: kim loại; kích thước: cao $\geq$ 35 mm, rộng $\geq$ 15 mm.
78	Ky hốt rác	Cái	6	Chất liệu: nhựa PP; kích thước: 62 x 26 x 26 cm; trọng lượng: 300g. Xuất xứ: Duy Tân hoặc tương đương
79	Khay mực (tăm bông)	Miếng	10	Chất liệu: vỏ hộp được làm bằng chất liệu kim loại; khay mực hay còn gọi là tampon mềm, thấm mực tốt; kích thước: $\geq$ 485 x 298 x 338 (mm).
80	Khăn	Cái	68	Chất liệu: vải bông mềm, thấm hút tốt; kích thước: $\geq$ 30 x 40 (cm); màu sắc giao theo yêu cầu của bệnh viện: trắng, vàng, xanh,...

81	Khăn giấy	Hộp	251	Chất liệu: 100% bột giấy nguyên chất; Kích thước giấy: $\geq 200 \times 200$ (mm); định lượng 1 lớp giấy: $\geq 13\text{g/m}^2$; Số lượng giấy: ≥ 180 tờ x 2 lớp; có hộp đựng
82	Khăn giấy vuông	Hộp	1393	Chất liệu: 100% bột giấy nguyên chất; kích thước: $\geq 300 \times 300$ (mm), bịch ≥ 100 tờ
83	Khẩu trang vải	Cái	189	Chất liệu: vải kháng khuẩn cao cấp, dày dặn, cấu trúc màng lưới 3D, thoáng khí, ôm vừa vặn khuôn mặt. Xuất xứ: Việt Nam
84	Lưỡi dao rọc giấy	Hộp	5	Chất liệu: kim loại, Kích thước: $\geq 80 \times 9 \times 0,4$ (mm). Hộp gồm ≥ 10 lưỡi dao.
85	Ly nhựa 399	Cái	2000	Chất liệu: nhựa PP trong suốt; Kích thước (mm): $\geq \varnothing 75 \times H75$ Dung tích: ≥ 220 ml
86	Mài kéo	Cây	8	Chất liệu: đá mài; kích thước: dài ≥ 15 cm x rộng ≥ 5 cm x cao ≥ 2 cm; nặng $\geq 570\text{g}$
87	Móc Inox	Cây	60	Chất liệu: 1 mặt miếng dán để dán lên gạch, kính, 1 mặt là móc treo bằng inox. Chịu được trọng lượng 5 kg. Kích thước: $\geq 6 \times 6$ (cm). Trọng lượng: 0,03 kg.
88	Mực dấu	Chai	872	Dung tích: ≥ 28 ml; dạng chai, màu sắc: màu đỏ, xanh, đen... Giao hàng theo yêu cầu của bệnh viện
89	Mực dấu không phai	Chai	45	Dung tích: ≥ 28 ml; dạng chai, màu sắc: màu đỏ, xanh, đen... Giao hàng theo yêu cầu của bệnh viện
90	Mực viết bảng	Chai	22	Dung tích: ≥ 25 ml; dạng chai, màu sắc: màu đỏ, xanh, đen... Giao hàng theo yêu cầu của bệnh viện; dùng cho viết lông bảng.
91	Nón lá	Cái	38	Chất liệu: lá cọ khô; kích thước: đường kính vành ≥ 40 cm, cao ≥ 30 cm; màu sắc: trắng đục
92	Nhãn dán No.100	Xấp	47	Nhãn decal giấy màu trắng, có đường cắt sẵn cho từng miếng dán, bên dưới có lớp keo sẵn. Có nhiều kích thước: $\geq 37 \times 96$ (mm), có ≥ 8 miếng nhỏ/ tờ; $\geq 19 \times 36$ (mm), có ≥ 40 miếng nhỏ/ tờ; $\geq 10 \times 18$ (mm), có ≥ 128 miếng nhỏ/ tờ; $\geq 10 \times 29$ (mm), có ≥ 60 miếng nhỏ/ tờ,... Giao hàng theo yêu cầu của bệnh viện. Quy cách: xấp có 10 tờ
93	Nhang muỗi	Hộp	54	Chất liệu: bột nhão khô của bột Metofluthrin, bột dừa, bột gỗ, bột joss. Khoanh nhang hình xoắn ốc, có thể đốt cháy, tạo ra khói chống muỗi. Quy cách: hộp 10 khoanh.

94	Pin AA (Pin tiểu)	Cục	3745	Chất liệu chính: bột than; Điện áp 1,5V; đóng gói 4 viên/ vĩ. Năm sản xuất: 2021
95	Pin AAA	Cục	4602	Chất liệu chính: bột than; Điện áp 1,5V; đóng gói 4 viên/ vĩ. Năm sản xuất: 2021
96	Pin dẹp tròn	Cục	443	Kích thước: 20 x 2,5 (mm); Điện áp 3V.
97	Pin đại	Cục	356	Chất liệu chính: bột than; Điện áp 1,5V; đóng gói 2 viên/ vĩ. Năm sản xuất: ≥ 2021
98	Pin sạc AA	Cục	46	Pin sạc Li-ion; Kích thước: đường kính 18mm, dài 66mm; Điện áp 3,7V; Dung lượng ≥ 2000 mAh. Năm sản xuất: ≥ 2021
99	Pin sạc AAA	Cục	63	Pin sạc Li-ion; Điện áp 1,2V; Dung lượng ≥ 1100 mAh, sạc được ≥ 1000 lần. Năm sản xuất: ≥ 2021
100	Pin trung	Cục	1404	Chất liệu chính: bột than; Điện áp 1,5V; Năm sản xuất: ≥ 2021
101	Pin vuông 9v	Cục	314	Chất liệu chính: bột than; Điện áp 9V; Năm sản xuất: ≥ 2021
102	Phấn may	Hộp	1	Chất liệu: bột màu, không bụi; màu sắc: trắng, xanh, hồng, vàng; trọng lượng: ≥ 100 g; đóng gói hộp 20 viên
103	Quẹt gas	Cái	32	Chất liệu: nhựa ABS, gas theo tỉ lệ 80% butane và 20% propane; Kích thước: $\geq 7,5 \times 2,5 \times 1,2$ (cm).
104	Rổ nhựa	Cái	30	Chất liệu: nhựa PP chính phẩm, có quai cầm; kích thước: dài ≥ 40 x rộng ≥ 30 (cm).
105	Sạc pin	Cái	13	Công nghệ sạc thông minh: Cảm ứng điện áp và ngừng sạc khi vượt mức; đầu vào: AC 100 - 240V, cổng ra USB; có đèn LED (Xanh lá, vàng, đỏ), Sạc 4 viên dung lượng từ 2000mAh 1 lượt. Bảo hành ≥ 12 tháng.
106	Sáp đếm tiền	Hộp	146	Chất liệu: sáp; hình tròn; kích thước: đường kính ≥ 4 cm.
107	Sổ Carô 25x35	Cuốn	375	Chất liệu: bìa carton; Kích thước: $\geq 25 \times 35$ (cm), dày ≥ 200 trang; giấy trắng kẻ caro
108	Sơ mi 2 kếp xanh dương	Cái	12	Chất liệu: bìa nhựa PP dày 0,7 mm, thanh kẹp bằng thép; kích thước: 307 x 235 (mm), độ dày gáy $\geq 3,5$ cm; có thể đựng ≥ 150 tờ A4; màu sắc: xanh dương.
109	Sơ mi 20 lá	Cái	20	Chất liệu: bìa nhựa PP, kích thước: $\geq 310 \times 240 \times 30$ (mm); bên trong gắn theo kiểu album 20 lá nhựa trong suốt khổ A4

110	Sơ mi 3 dây	Cái	554	Chất liệu: bì có lớp PVC bọc ngoài carton; kích thước: $\geq 350 \times 250 \times 65$ (mm), gáy rộng ≥ 10 cm.
111	Sơ mi 30 lá	Cái	71	Chất liệu: bì nhựa PP, kích thước: $\geq 310 \times 240 \times 30$ (mm); bên trong gắn theo kiểu album 30 lá nhựa trong suốt khổ A4
112	Sơ mi 40 lá	Cái	20	Chất liệu: bì nhựa PP, kích thước: $\geq 310 \times 240 \times 30$ (mm); bên trong gắn theo kiểu album 40 lá nhựa trong suốt khổ A4
113	Sơ mi 60 lá	Cái	370	Chất liệu: bì nhựa PP, kích thước: $\geq 310 \times 240 \times 30$ (mm), bên trong gắn theo kiểu album 60 lá nhựa trong suốt khổ A4, 1 lá có thể lưu trữ ≥ 10 tờ A4.
114	Sơ mi cây	Cái	163	Chất liệu: nhựa PP trong suốt; kích thước: $\geq 210 \times 3297 \times 0,18$ (mm); gáy rút kẹp bằng nhựa, độ dày ≥ 5 mm, có thể rút mở dễ dàng.
115	Sơ mi còng	Cái	93	Chất liệu: 2 mặt simili; Kích thước: Sơ mi khổ F; gáy rộng 5 cm, đựng được ≥ 330 tờ.
116	Sơ mi hộp	Cái	8	Chất liệu: bì giấy cứng dán 1 lớp simili màu xanh dương; kích thước: $\geq 24 \times 35$ (cm); gáy dày ≥ 20 cm, có 1 miếng dán đóng mở.
117	Sơ mi hộp F4	Cái	95	Chất liệu: bì giấy cứng có dán một lớp simili màu xanh dương bên ngoài. Kích thước: F4 $\geq$ (Dài 35cm x Ngang 25.5cm x Gáy 10cm), Sức chứa : Chứa được 900 tờ giấy A4, F4 định lượng 70, nhận dạng: Bì hộp giấy + Bì 3 dây giấy
118	Sơ mi kẹp đầu	Cái	116	Chất liệu: nhựa cứng; kích thước: $\geq 22 \times 31$ (cm), dày $\geq 1,5$ mm; màu sắc: xanh dương, nâu; phía trên có gắn gọng kim loại để kẹp giấy
119	Sơ mi kẹp giữa	Cái	167	Chất liệu: nhựa cứng; kích thước: $\geq 22 \times 31$ (cm), dày $\geq 1,5$ mm; màu sắc: xanh dương, nâu; ở giữa có gắn gọng kim loại để kẹp giấy
120	Sơ mi mỏng có lỗ	Xấp	100	Chất liệu: nylon trong suốt; Kích thước A4; có ≥ 11 lỗ ở gáy; Quy cách: xấp ≥ 100 tờ.
121	Sơ mi nút	Cái	2716	Chất liệu: nhựa PP trong suốt; kích thước: $\geq 260 \times 360 \times 0,18$ (mm); có nút bấm, lưu trữ ≥ 125 tờ giấy A4.
122	Sơ mi nhựa (sơ mi lá)	Cái	1933	Chất liệu: nhựa PP trong suốt; kích thước: $\geq 240 \times 354 \times 0,18$ (mm), bì F4.

PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo yêu cầu Báo giá số: /TM-BVTWCT ngày 30 tháng 9 năm 2024
của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] báo giá danh mục dịch vụ theo yêu cầu của Bệnh viện như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả tiêu chí kỹ thuật, quy cách, ...	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hoá A					
n	...					

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày kết thúc nhận báo giá theo Yêu cầu báo giá].

3. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và chi phí khác

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))